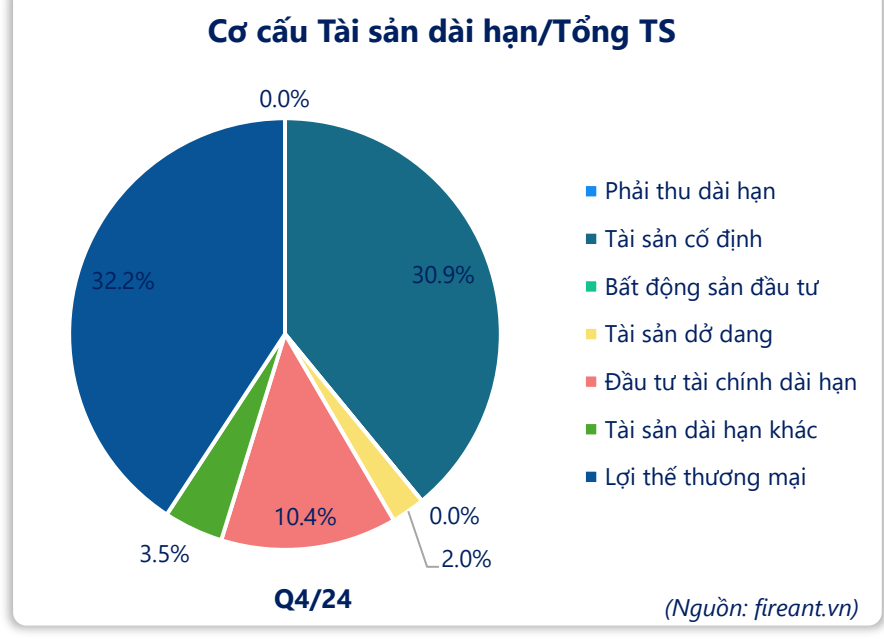
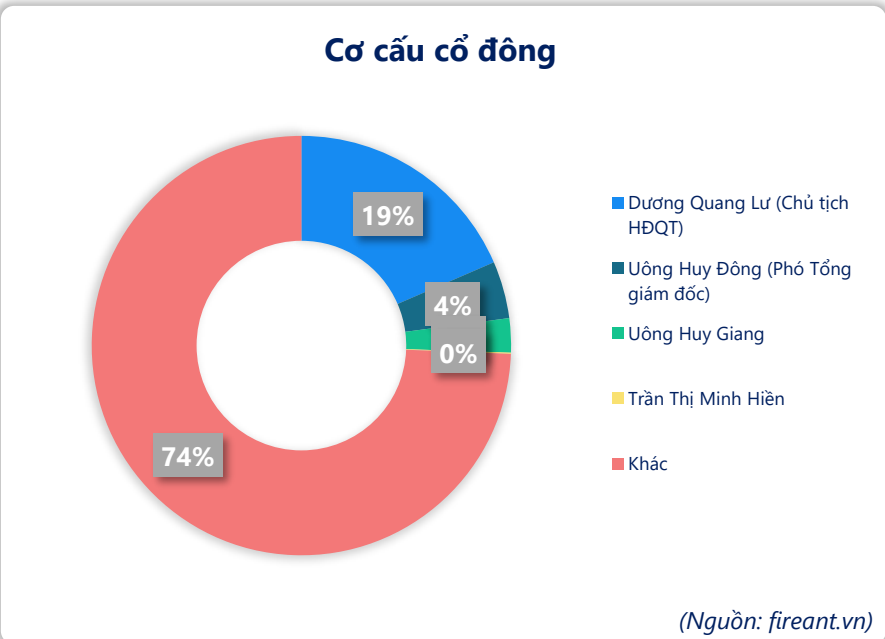
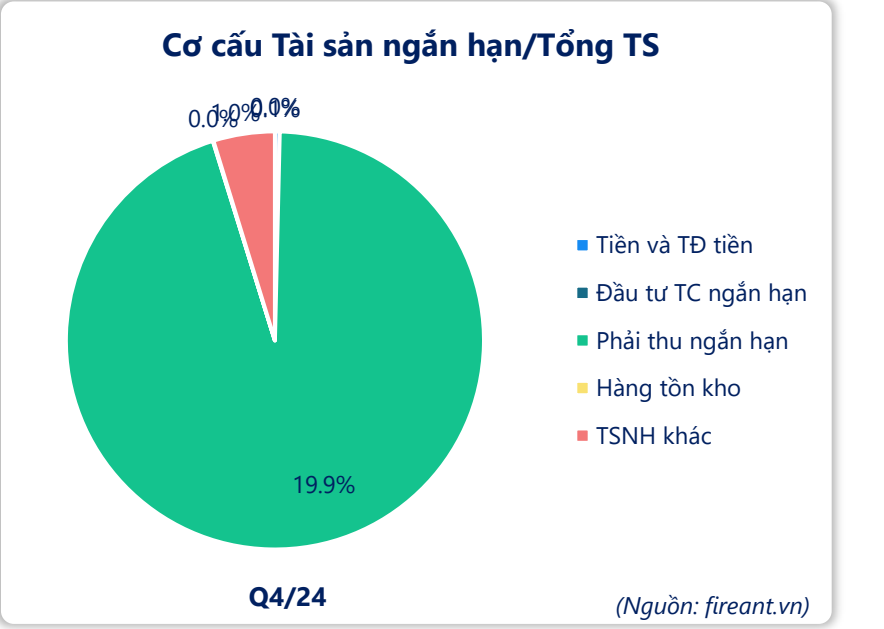
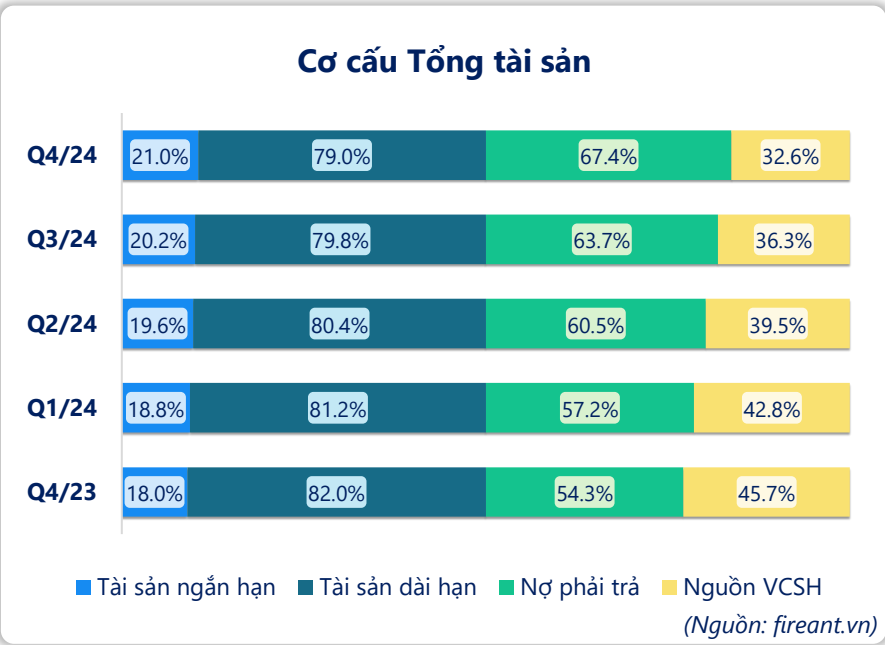
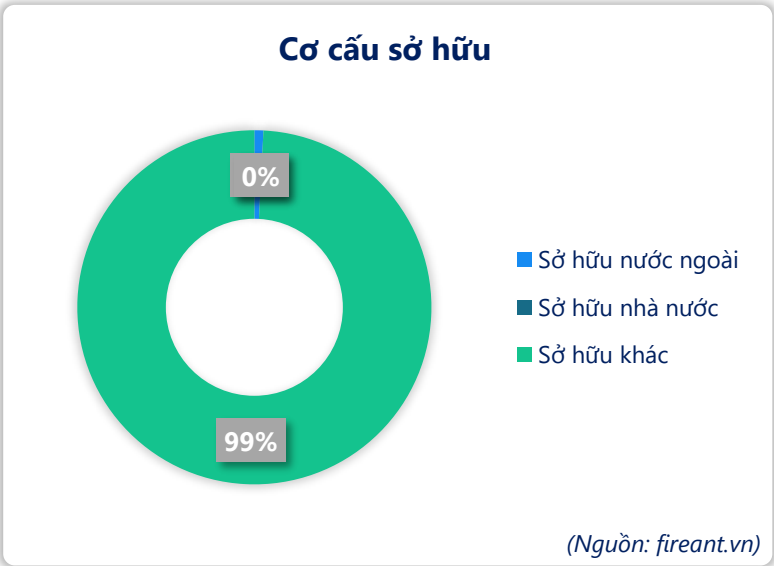
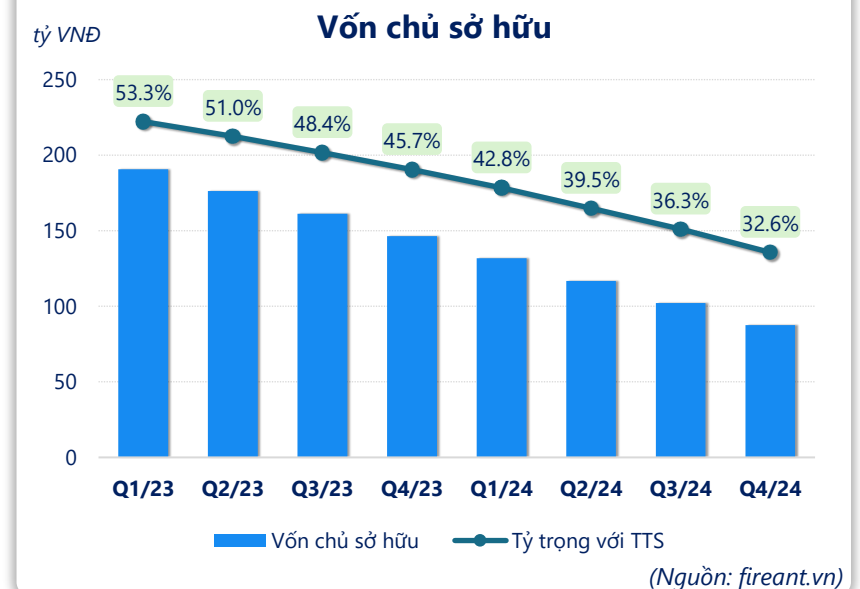
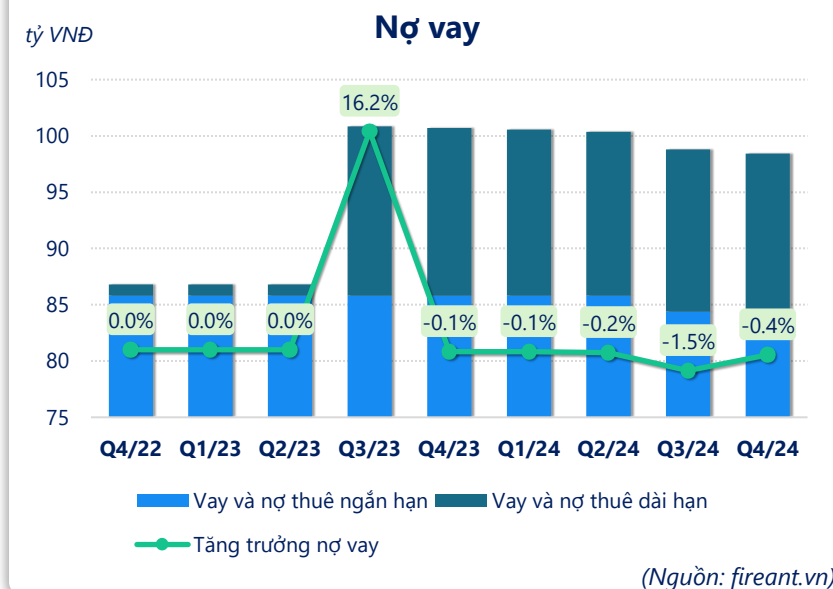
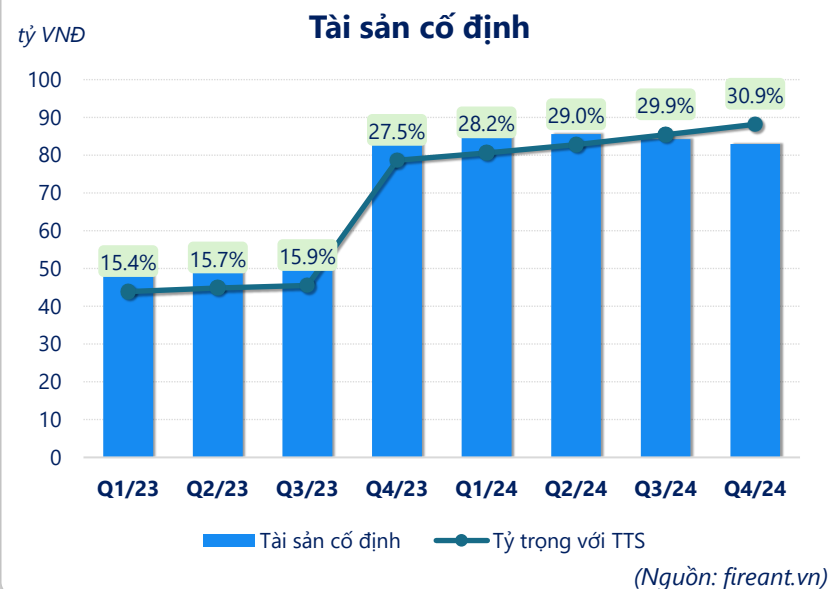
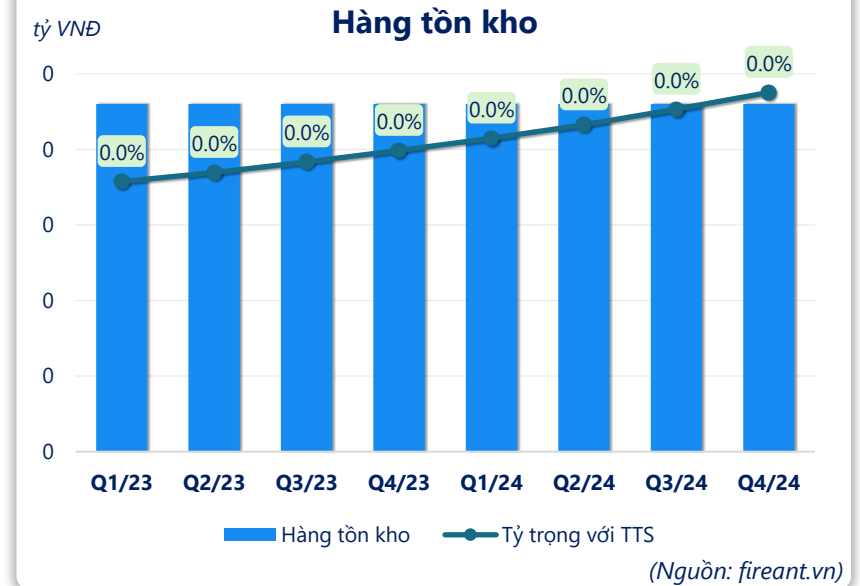
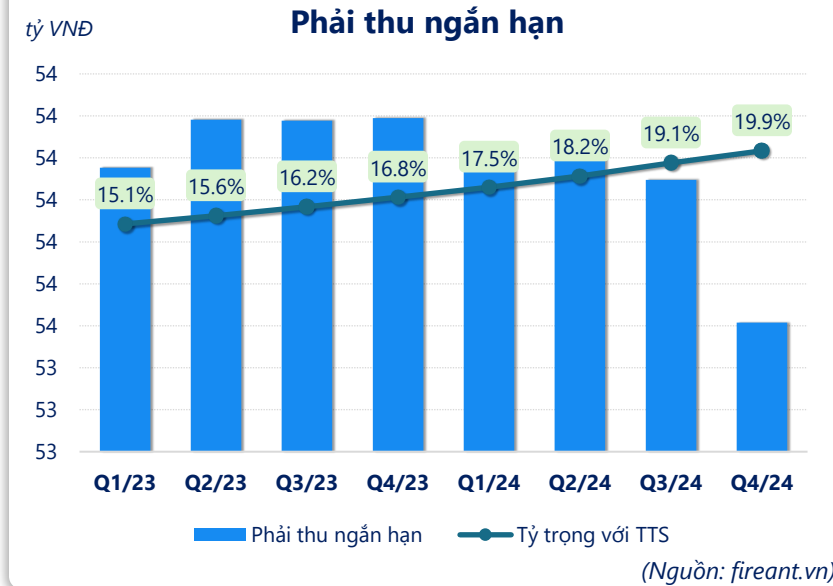
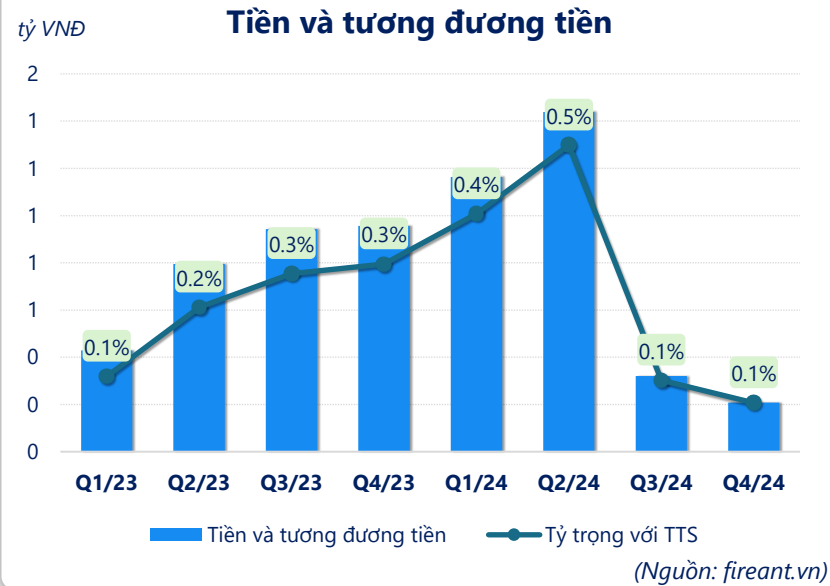
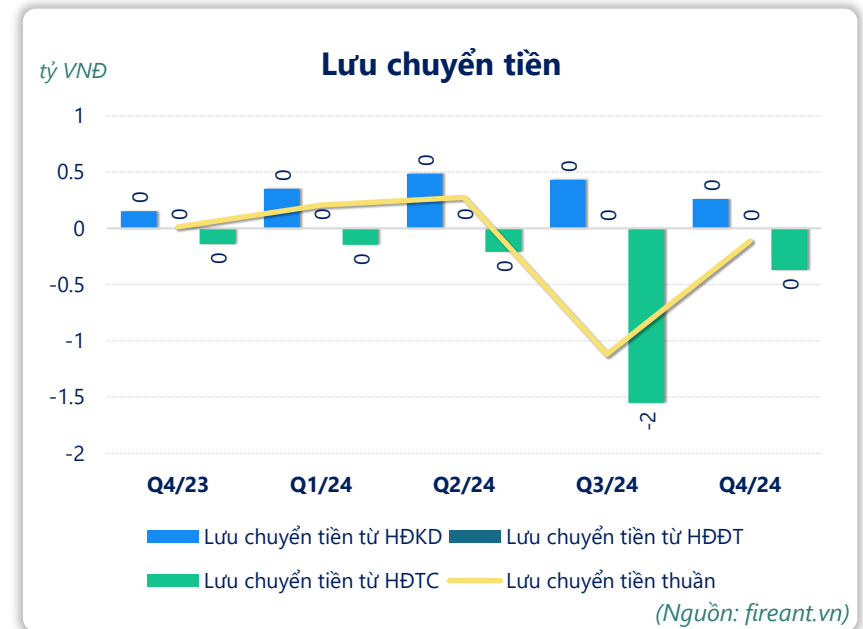
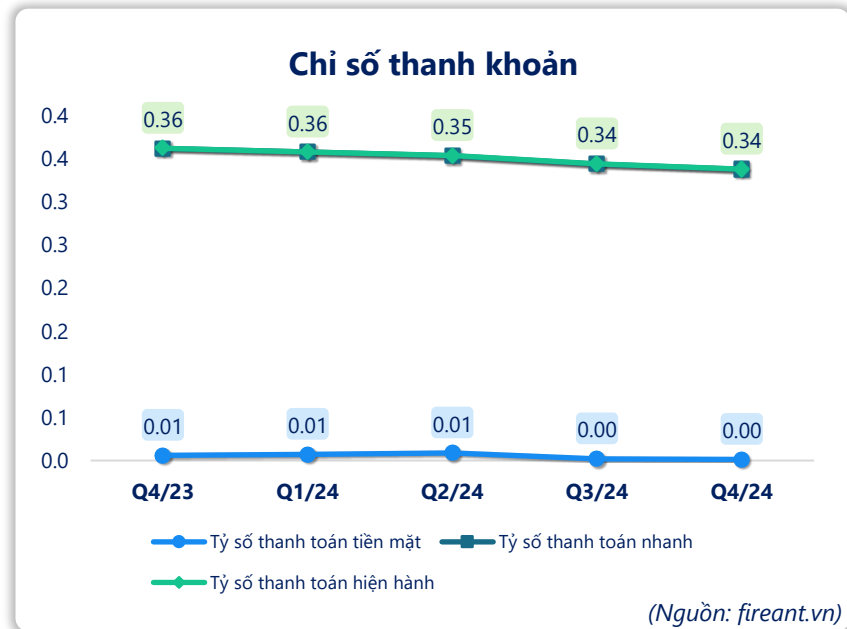
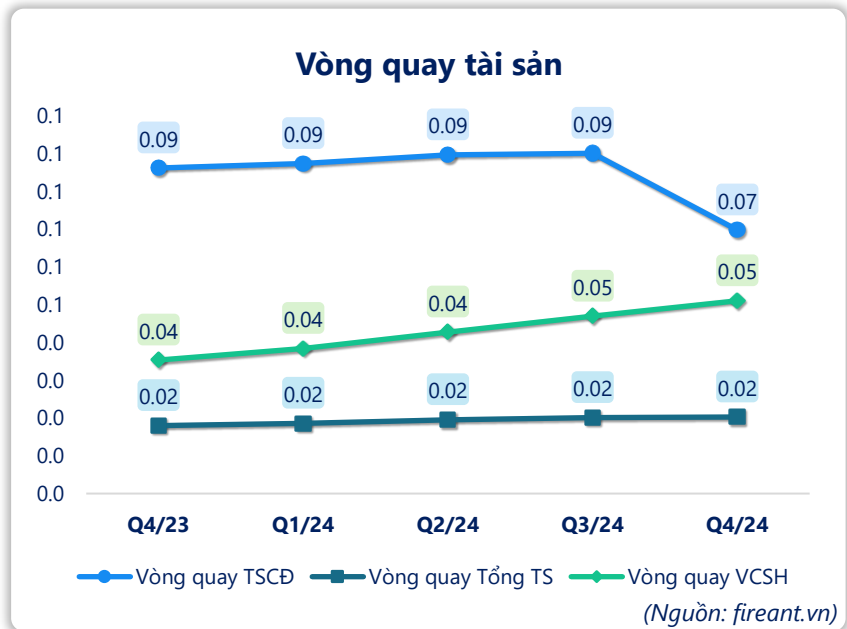
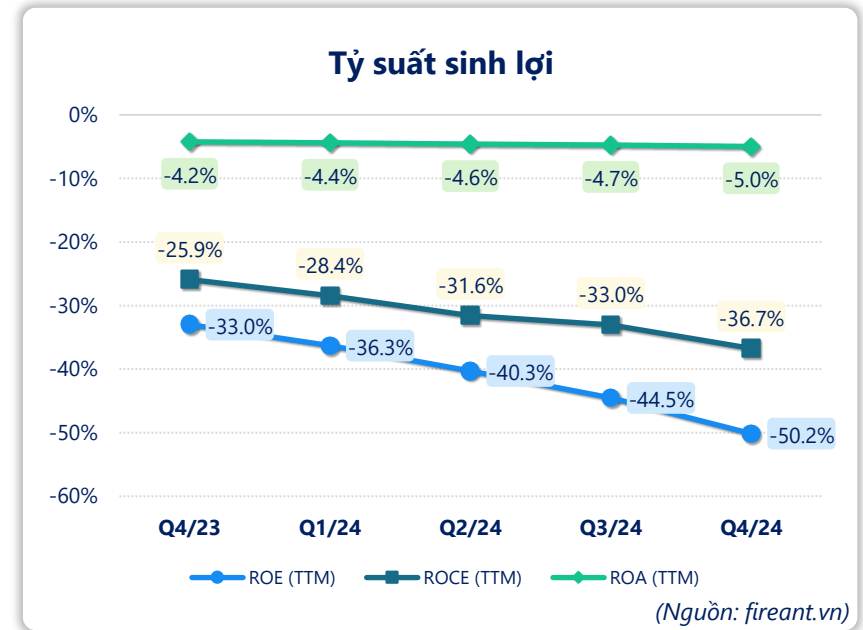
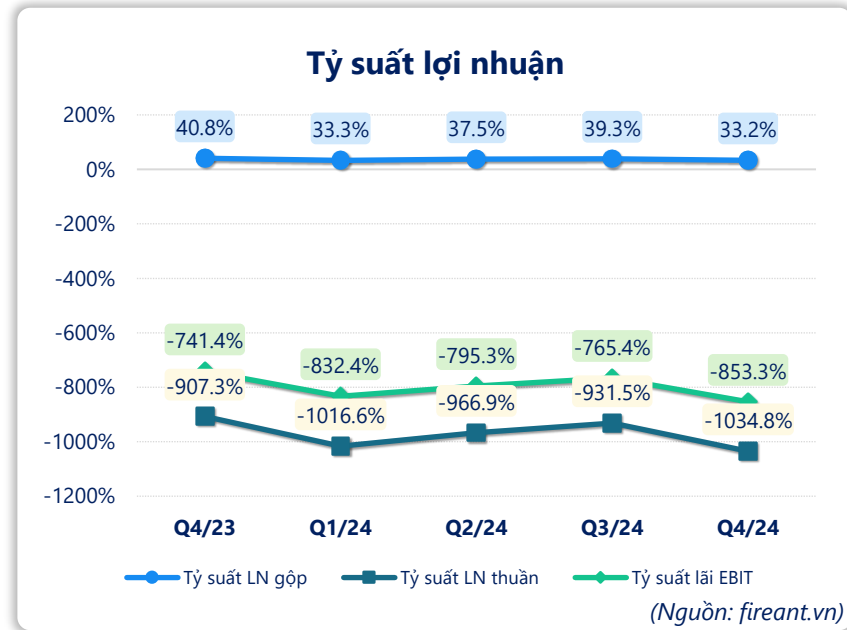
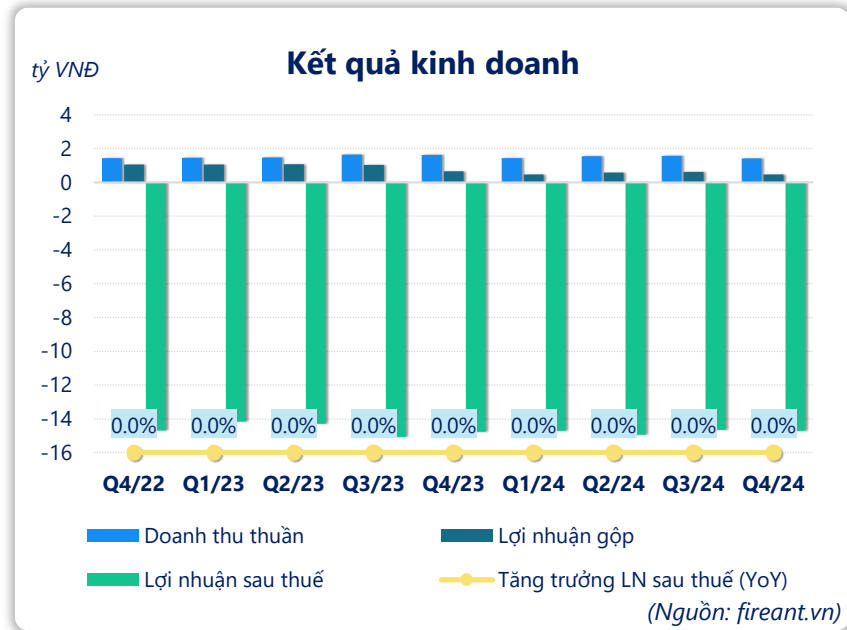


Thông tin giao dịch		31/12/2024
Giá hiện tại (VNĐ)		600
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		900
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		600
SL cổ phiếu LH		51,599,999
KLGD BQ 20 phiên (CP)		43,475
% sở hữu nước ngoài		0.8%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		31
P/E		-0.5
EPS		-1,137

	YTD	1T	3T	6T
HKB		0.0%	-14.3%	-14.3%
VNINDEX		2.1%	-0.2%	-1.3%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	269	321	-16.2%
Tài sản ngắn hạn	56.4	57.6	-2.1%
Tiền và tương đương tiền	0.21	0.96	-78.2%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	53.5	54.0	-0.9%
Hàng tồn kho	0.02	0.02	0.0%
Tài sản ngắn hạn khác	2.69	2.67	0.4%
Tài sản dài hạn	212	263	-19.2%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	82.9	88.2	-6.0%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	5.36	5.10	5.1%
Đầu tư tài chính dài hạn	28.0	28.0	0.0%
Tài sản dài hạn khác	9.46	9.87	-4.1%
Lợi thế thương mại	86.6	132	-34.3%
Nợ phải trả	181	174	4.1%
Nợ ngắn hạn	167	159	4.9%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	84.1	85.8	-2.0%
Phải trả người bán ngắn hạn	15.4	16.8	-8.2%
Nợ dài hạn	14.3	14.9	-3.8%
Vay và nợ thuê dài hạn	14.3	14.9	-3.8%
Nguồn vốn chủ sở hữu	87.5	146	-40.3%
Vốn chủ sở hữu	87.5	146	-40.3%
Vốn điều lệ	516	516	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Doanh thu thuần	1.63	1.44	1.54	1.57	1.41
Giá vốn hàng bán	0.96	0.96	0.96	0.95	0.94
Lợi nhuận gộp	0.66	0.48	0.58	0.62	0.47
Doanh thu HĐTC	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00
Chi phí TC	2.70	2.67	2.67	2.65	2.63
Chi phí lãi vay	2.70	2.67	2.67	2.65	2.63
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0	0	0	0	0
Chi phí QLDN	12.7	12.5	12.8	12.6	12.5
LN thuần từ HĐKD	-14.8	-14.7	-14.9	-14.6	-14.6
Lợi nhuận khác	0.00	-0.01	-0.03	-0.05	-0.06
LN trước thuế	-14.8	-14.7	-14.9	-14.6	-14.7
Lợi nhuận sau thuế	-14.8	-14.7	-14.9	-14.6	-14.7
LNST của CĐ cty mẹ	-14.6	-14.7	-14.8	-14.6	-14.6

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	0.15	0.35	0.49	0.43	0.26
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-0.14	-0.15	-0.21	-1.55	-0.37
Tiền đầu kỳ	0.94	0.96	1.16	1.44	0.32
Lưu chuyển tiền thuần	0.01	0.21	0.28	-1.12	-0.11
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0.00
Tiền cuối kỳ	0.96	1.16	1.44	0.32	0.21

(Nguồn: fireant.vn)